

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HÓA ỨNG XỬ ĐỐI VỚI TRẺ KHUYẾT TẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Xuân Thắng¹

CULTURE OF BEHAVIOR TOWARDS DISABLED CHILDREN IN HO CHI MINH CITY: A LITERATURE REVIEW

Nguyen Xuan Thang¹

Tóm tắt – Dựa trên phương pháp tổng quan, bài viết thực hiện tổng quan các nghiên cứu về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu tập trung vào ba vấn đề cơ bản là: tổng quan các nghiên cứu về văn hóa ứng xử, các văn bản pháp quy chỉ đạo văn hóa ứng xử nơi công sở và các nghiên cứu liên quan đến hành vi ứng xử đối với trẻ khuyết tật. Trên cơ sở đó, chúng tôi xác định thành tựu, hạn chế, những khoảng trống trong nghiên cứu về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Thành phố Hồ Chí Minh, trẻ khuyết tật, văn hóa ứng xử.

Abstract – Based on the method of overview, this article reviews the researches on behavioral culture towards children with disabilities in Ho Chi Minh City. The article focuses on three basic issues: overviewing of studies on behavioral culture, legal documents directing the culture of behavior in working place and researches related to behavior towards disabled children. Thereby, the achievements, limitations as well as the gaps in the studies on behavioral culture towards disabled children in Ho Chi Minh City are identified in this article.

Keywords: behavioral culture, disabled children, Ho Chi Minh City.

¹Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Trà Vinh
Ngày nhận bài: 12/7/2021; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 22/8/2021; Ngày chấp nhận đăng: 12/9/2021
Email: dr.nguyensexuanthang@yahoo.com.vn

¹Postgraduate student Tra Vinh University
Received date: 12th July 2021; Revised date: 22nd August 2021; Accepted date: 12th September 2021

I. MỞ ĐẦU

Người khuyết tật là một nhóm xã hội yếu thế, trong đó, trẻ khuyết tật là một nhóm nhỏ chịu nhiều thiệt thòi hơn cả. Trẻ khuyết tật là những trẻ bị khiếm khuyết về mặt cấu trúc cơ thể, bị suy giảm về các chức năng của bản thân, bị hạn chế về khả năng hoạt động, khó khăn trong quá trình sinh hoạt, học tập, vui chơi và lao động. Theo kết quả Điều tra Quốc gia về người khuyết tật ở Việt Nam năm 2016, Việt Nam có 6.225.519 người khuyết tật (chiếm 7,09% tỉ lệ dân số cả nước), trong đó, người khuyết tật là trẻ em (từ 2 đến 17 tuổi) là 671.659 người (chiếm 2,79% tỉ lệ dân số cả nước) [1, trang 67]. Ở Việt Nam, dạng khuyết tật của trẻ chiếm số lượng cao nhất là khuyết tật vận động thân dưới, tiếp đó là khuyết tật nhận thức, khuyết tật vận động thân trên, thần kinh, tâm thần, trong đó, có nhiều trẻ bị đa khuyết tật [1, trang 15]. Vì vậy, trẻ khuyết tật là đối tượng yếu thế trong xã hội cần được quan tâm, giúp đỡ, đặc biệt là vấn đề ứng xử trong quá trình giáo dục, chữa bệnh, phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách bình đẳng dành cho người khuyết tật như những người bình thường khác. Trẻ khuyết tật được tạo điều kiện và cơ hội tham gia học văn hóa, học nghề, phục hồi chức năng và phát triển khả năng của bản thân để hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, không phải bất cứ cá nhân, gia đình và tổ chức nào cũng nhận thức rõ điều này. Sự kì thị, ghét bỏ đối với trẻ khuyết tật vẫn còn diễn ra ở trong gia đình và ngoài xã hội, nhất là bạn bè cùng trang lứa, trẻ em bình thường thường hay trêu chọc, ghét

bỏ, thậm chí đánh, chửi trẻ khuyết tật và lấy trẻ khuyết tật làm trò cười ở ngay tại các cơ sở giáo dục, các trung tâm hỗ trợ trẻ khuyết tật. Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa xây dựng được các điều kiện để đảm bảo cho một môi trường giáo dục thân thiện, môi trường văn hóa, thể thao phù hợp để trẻ khuyết tật được tham gia các hoạt động giáo dục và các hoạt động xã hội khác. Có thể nói, thái độ của mọi người, điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện học tập, sinh hoạt hằng ngày, quy ước trong giao tiếp ứng xử là các yếu tố văn hóa có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển, nhận thức, phục hồi chức năng của trẻ khuyết tật.

Hiện nay, ở Thành phố Hồ Chí Minh, số cơ sở giáo dục, phục hồi chức năng, trường chuyên biệt và các trung tâm hỗ trợ trẻ khuyết tật không nhiều, trong khi các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thì vẫn chưa quen với hình thức tiếp nhận cho trẻ học hòa nhập. Điều này dẫn đến tình trạng một bộ phận người dân trong xã hội, trong đó có cha mẹ và cán bộ, giáo viên của các trường, các trung tâm chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc giáo dục trẻ khuyết tật và khả năng phát triển của trẻ khuyết tật khi được giáo dục hòa nhập. Các đề tài nghiên cứu về các loại hình cơ sở trung tâm hỗ trợ trẻ khuyết tật từ trước tới nay chủ yếu tập trung vào vấn đề chuyên môn, kỹ năng giáo dục, phục hồi chức năng là chính, ít quan tâm đến văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật. Trong khi đó, văn hóa ứng xử, việc vận dụng các kỹ năng giao tiếp, ứng xử, công cụ ứng xử (bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) vào trong việc giáo dục, thuyết phục, cảm hóa trẻ khuyết tật chiếm một vị trí rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công việc giáo dục và phục hồi chức năng các đối tượng rất đặc biệt này.

Nhằm tìm hiểu những thành tựu và khoảng trống trong việc nghiên cứu về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi thực hiện tổng quan nghiên cứu về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cơ sở quan trọng để chúng tôi thực hiện nghiên cứu về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật tại Thành phố Hồ Chí Minh.

II. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN VĂN HÓA ỨNG XỬ

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về xây dựng con người Việt Nam, trong đó có văn hóa ứng xử, nhiều học giả trong nước đã công bố các nghiên cứu liên quan đến văn hóa ứng xử nói chung, văn hóa giao tiếp ứng xử trong từng lĩnh vực, từng môi trường xã hội nói riêng như văn hóa ứng xử trong học đường, công sở, doanh nghiệp, hoạt động giao thông, bệnh viện.

Về văn hóa ứng xử nói chung, chúng ta có thể kể đến các nghiên cứu của Đỗ Huy, Lê Quang Thiêm và Chu Khắc [2], Phạm Vũ Dũng [3], Lê Như Hoa [4], Nguyễn Thanh Tuấn [5], Lê Văn Quán [6], Đỗ Ngọc Anh [7]... Phạm Vũ Dũng cho rằng, ‘Giao tiếp là một quá trình trao đổi và tiếp xúc giữa con người với bản thân, với xã hội, với thiên nhiên, với gia đình... trực tiếp và gián tiếp, thông qua các công cụ như tiếng nói, ngôn ngữ, hành vi, tâm lý’ [3, tr.12]. Cũng theo tác giả, phương tiện giao tiếp được thể hiện dưới hai dạng: ngôn ngữ hành vi và ngôn ngữ lời nói (bao gồm cả văn tự). Tác giả cho rằng lời nói trong giao tiếp, ứng xử là tiêu chuẩn để định vị nhân cách của cá nhân, phong cách nhóm xã hội; cách sống của gia đình và cách sinh hoạt xã hội. Qua hình thức, nội dung, nội hàm, chất lượng của lời nói... để có nhận xét về những con người tham gia trong giao tiếp, ứng xử [3]. Trước đó, trong *Nhân cách văn hóa trong bảng giá trị Việt Nam*, Đỗ Huy, Lê Quang Thiêm, Chu Khắc [2] cũng cho rằng nhân cách văn hóa biểu đạt cho những giá trị cơ bản trong bảng giá trị con người Việt Nam và nó cũng góp phần tích cực vào việc hình thành bảng giá trị Việt Nam. Trong nhân cách văn hóa, các yếu tố như tính cách, hành động văn hóa, môi trường văn hóa có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau. Nguyễn Thanh Tuấn [5], Lê Văn Quán [6] phân tích những đặc điểm, triết lý trong văn hoá ứng xử Việt Nam, những tác động của xã hội đến xu hướng văn hóa ứng xử cũng như những định hướng, giải pháp nhằm xây dựng và phát triển văn hóa ứng xử Việt Nam hiện nay. Lê Văn Quán [6] cho rằng, ý thức cộng đồng, cơ sở đạo lý của văn hóa làng xã tạo nên thể ứng xử của người Việt. Bên cạnh đó, những cơ sở đạo lý trong làng xã, truyền thống Nho giáo có ảnh hưởng đến văn hóa ứng xử của người Việt, tạo

nên thể ứng xử của người Việt. Tiếp cận từ góc độ văn hóa học, Lê Như Hoa [4] phân tích nguồn gốc, quá trình hình thành các chuẩn mực xã hội trong văn hóa ứng xử.

Đỗ Ngọc Anh [7] tiếp cận văn hóa giao tiếp từ nhiều góc nhìn: thông tin, văn hóa, tâm lí. Từ đó, Đỗ Ngọc Anh đưa ra các khái niệm về bản chất của giao tiếp, các chức năng của giao tiếp (thông tin, định hướng và điều khiển, điều chỉnh hành vi), về các phương tiện (công cụ) giao tiếp. Cũng như các tác giả khác viết về văn hóa giao tiếp, trong công trình này, Đỗ Ngọc Anh phân tích khá kĩ về phương tiện ngôn ngữ (lời nói, chữ viết) và phương tiện phi ngôn ngữ (hành vi, cử chỉ, điệu bộ, nụ cười, ánh mắt). Bên cạnh các nghiên cứu trên, các nghiên cứu của Hữu Đạt [8], Phạm Minh Thảo [9], Nguyễn Quang [10] có giá trị tư liệu quan trọng để chúng tôi kế thừa trong việc xây dựng khung lí thuyết về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, ở Việt Nam còn có nhiều nghiên cứu liên quan đến văn hóa giao tiếp, ứng xử trong nhà trường. Trong bài viết Khái luận văn hóa học đường, Nguyễn Ngọc Thơ [11] trình bày tổng quan về quá trình nghiên cứu văn hóa học đường ở Mỹ, châu Âu. Trên cơ sở đó, Nguyễn Ngọc Thơ phân tích nội hàm khái niệm văn hóa học đường ở trên thế giới và việc xây dựng khái niệm văn hóa học đường ở Việt Nam. Nguyễn Thị Kim Ngân [12] tổng hợp và giới thiệu 35 bài viết về văn hóa giao tiếp trong nhà trường. Các bài viết tập trung vào việc dạy và học về văn hóa giao tiếp trong nhà trường, đối tượng là học sinh sinh viên. Nguyễn Minh Đức và Nguyễn Công Khanh [13] trình bày những thay đổi về mặt tâm sinh lí của một giai đoạn phát triển có tính chất quá độ từ tuổi thơ sang người lớn, gọi chung là tuổi vị thành niên. Vì vậy, đây cũng là giai đoạn nảy sinh nhiều rắc rối về tâm lí so với các lứa tuổi khác.

Kết quả của các nghiên cứu này là những cơ sở lí luận quan trọng cho chúng tôi trong việc xây dựng khung lí thuyết nghiên cứu như khái niệm văn hóa ứng xử, các nhân tố ảnh hưởng đến văn hóa ứng xử cho việc nghiên cứu văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

III. CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY CHỈ ĐẠO VỀ VĂN HÓA ỨNG XỬ NƠI CÔNG SỞ

Ở Việt Nam, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cũng đã ban hành nhiều văn bản quy định văn hóa ứng xử nơi công sở. Ngày 02/8/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước [14]. Quy chế đã quy định về vấn đề trang phục, giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức. Bên cạnh đó, trong một số luật do Quốc hội thông qua như Luật Phòng chống tham nhũng [15], Luật Cán bộ, công chức (ban hành năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019) [16] cũng có những quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức, đạo đức công vụ. Điều này thể hiện sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước, đồng thời, nó cũng phản ánh sự quan tâm của các cơ quan đối với vấn đề giao tiếp, ứng xử của cán bộ công chức. Trên cơ sở đó, nhiều bộ, ban, ngành, địa phương cũng đã xây dựng và ban hành các bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị như Bộ Giáo dục và Đào tạo [17], Bộ Y tế [18], Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [19], Bộ Nội vụ [20], Bộ Tài nguyên và Môi trường [21], Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội [22], Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh [23]... Ngoài ra, nhiều cơ quan còn quy định về văn hóa ứng xử thông qua các bản nội quy, quy chế làm việc tại đơn vị.

IV. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA ỨNG XỬ ĐỐI VỚI TRẺ KHUYẾT TẬT

Hiện nay ở Việt Nam, các nghiên cứu về giáo dục và văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật không nhiều. Các nghiên cứu chủ yếu là các bài viết trên các tạp chí, các hội thảo, hội nghị chuyên ngành. Chúng tôi có thể kể đến một số công trình đáng chú ý của các tổ chức, cá nhân tiêu biểu như Trung tâm Tật học [24], Bộ Giáo dục và Đào tạo [25], Trần Thị Lệ Thu [26], Cao Minh Châu, Vũ Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Minh Thủy [27], Phạm Minh Mục [28], Lê Văn Tạc [29]... Các công trình đã góp phần hệ thống hóa một số vấn đề lí luận về trẻ khuyết tật như khái niệm, phân loại, đặc điểm các dạng khuyết tật, những giải pháp của cộng đồng và nhà trường trong việc can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập, giúp trẻ phục hồi

và phát triển các chức năng. Huỳnh Thị Thu Hằng [30] trình bày các khái niệm, bản chất của giáo dục hòa nhập nói chung và tập trung hướng dẫn một số phương pháp, phương tiện giáo dục cho các đối tượng trẻ khiếm thị, khiếm thính và trẻ chậm phát triển trí tuệ. Phạm Minh Mục [28] đề xuất các biện pháp dạy học đặc thù giúp rèn các kỹ năng cho các đối tượng này như phương pháp trực quan, phương pháp sờ đọc viết chữ Braille, phương pháp rèn luyện cấu âm và phát triển vốn từ. Trần Thị Lệ Thu [26] trình bày những vấn đề chung về chậm phát triển trí tuệ, các vấn đề về giáo dục đặc biệt cho trẻ chậm phát triển trí tuệ. Với những nội dung đã trình bày, sách được sử dụng cho sinh viên thuộc ngành giáo dục đặc biệt của các trường đại học, cao đẳng và trung học sư phạm, các giáo viên và chuyên gia đang làm việc trực tiếp với trẻ khuyết tật. Việc chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật là khó khăn và phức tạp. Vì vậy, sự quan tâm, đóng góp của cộng đồng theo tinh thần xã hội hoá là rất quan trọng và có ý nghĩa đối với việc đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục trẻ khuyết tật. Cuốn sách cung cấp những tri thức cơ bản về đặc điểm sinh lí, bệnh học và tâm lí của trẻ chậm phát triển trí tuệ, về những nguyên tắc giáo dục và phương thức ứng xử với những trẻ khuyết tật, góp phần hữu ích vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ chậm phát triển trí tuệ nói riêng và trẻ khuyết tật nói chung. Đỗ Hạnh Nga, Cao Thị Xuân Mỹ [31] chỉ ra những băn khoăn, lo lắng của các gia đình có trẻ chậm phát triển trí tuệ tại một số cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật ở Thành phố Hồ Chí Minh: lo lắng về việc trẻ không thể phục hồi chức năng hay luyện tập được, trẻ luôn gặp khó khăn trong giao tiếp, lo vì nếu người lao động chính trong gia đình ốm đau, tai nạn hoặc mất đi sẽ không có ai chăm sóc cho trẻ, lo vì phải chi trả nhiều cho giáo dục, cho y tế trong việc nuôi dạy trẻ. Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hòa [32] xác định mười một kỹ năng giao tiếp cơ bản đối với cán bộ, nhân viên, người lao động ngành y tế đối với người bệnh, gia đình người bệnh và với đồng nghiệp như các kỹ năng giao tiếp không lời, nói, lắng nghe, đặt câu hỏi, quan sát, khuyến khích động viên, thể hiện sự đồng cảm với người bệnh... Riêng đối với khuyết tật, Nguyễn Văn Hiến và Lê Thu Hòa cũng dành riêng một chương trình bày về các kỹ

năng giao tiếp đối với người hạn chế năng lực giao tiếp như người cao tuổi, người khuyết tật hoặc hạn chế chức năng, người hạn chế về nhận thức và tinh thần, người khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ. Bên cạnh đó, một số tác giả cũng đi sâu nghiên cứu về các nội dung giáo dục hòa nhập như nội dung, quy trình, các hình thức tổ chức giáo dục hòa nhập, các phương pháp giáo dục hòa nhập đối với học sinh tại các trường mầm non, các trường trung học cơ sở.

Qua tổng thuật các nghiên cứu ở trên, chúng tôi nhận thấy có nhiều nghiên cứu về văn hóa ứng xử ở một số phạm vi như văn hóa giao tiếp trong các cơ quan, doanh nghiệp, trong nhà trường với mục tiêu hướng đến để nâng cao chất lượng, hiệu quả của tổ chức, đơn vị mà chủ thể và đối tượng là những con người bình thường trong xã hội. Như vậy, cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa ứng xử của cán bộ ngành y, thầy cô giáo, bảo mẫu đối với đối tượng đặc biệt là trẻ khuyết tật mà chủ thể là chính cha mẹ của trẻ, là các thầy cô trực tiếp nuôi dạy trẻ tại các trường, các trung tâm hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật. Đây là nhiệm vụ đặt ra cho đề nghiên cứu của chúng tôi.

Bên cạnh các nghiên cứu liên quan đến trẻ khuyết tật, một số nghiên cứu đề cập đến văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật. Nguyễn Đức Thắng [33] nghiên cứu về việc hoàn chỉnh chính sách hòa nhập xã hội của người khuyết tật ở Việt Nam, trong đó, tác giả nhấn mạnh về sự quan trọng trong việc xây dựng văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật nhằm tạo sự gần gũi, gắn kết từ đó tạo nên không gian sống hòa nhập đi đến việc xóa bỏ khoảng cách giữa người khuyết tật và xã hội. Võ Bá Đức [34] nói về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật. Đây là một tài liệu mang tính chất hướng dẫn có giá trị thiết thực giúp cán bộ, viên chức y tế nhận thức đúng đắn về vai trò của văn hóa, trách nhiệm cư xử có văn hóa với người bệnh và những kỹ năng ứng xử, những nguyên tắc ứng xử hiện đại mà mỗi cán bộ, viên chức đều có thể tự rèn luyện.

V. KẾT LUẬN

Qua tổng quan các nghiên cứu về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi nhận thấy, các tài liệu được đề

cập chủ yếu là những bài viết, trên các báo, tạp chí, trong các hội thảo, hội nghị và một số giáo trình chuyên ngành công tác xã hội, quản lý công, quản lý y tế... Các công trình trên cho thấy đã có nhiều nghiên cứu về văn hóa nói chung và văn hóa ứng xử ở một số phạm vi như văn hóa ứng xử ở công sở, văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp, trong nhà trường với mục tiêu hướng đến để nâng cao chất lượng, hiệu quả của các tổ chức, đơn vị. Tuy nhiên, những nghiên cứu về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật thì chưa có nhiều. Một số công trình đã có chủ yếu tập trung vào việc hướng dẫn các kỹ năng nghiệp vụ khám chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật để hòa nhập với công đồng. Chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu riêng biệt về văn hóa ứng xử đối với trẻ khuyết tật tại Việt Nam xem như là một trong các giải pháp chính yếu để nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ. Đây là nhiệm vụ đặt ra cho đề tài nghiên cứu của chúng tôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục Thống kê. *Việt Nam điều tra quốc gia người khuyết tật 2016*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2018.
- [2] Đỗ Huy, Lê Quang Thiêm, Chu Khắc. *Nhân cách văn hóa trong bảng giá trị Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1993.
- [3] Phạm Vũ Dũng. *Văn hóa giao tiếp*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa thông tin; 1996.
- [4] Lê Như Hoa. *Văn hóa ứng xử các dân tộc Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa dân tộc - Viện Văn hóa; 2002.
- [5] Nguyễn Thanh Tuấn. *Văn hóa ứng xử Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Từ điển Bách khoa; 2003.
- [6] Lê Văn Quán. *Văn hóa ứng xử truyền thống của người Việt*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa thông tin; 2007.
- [7] Đỗ Ngọc Anh. *Giáo trình văn hóa ứng xử*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thông tin và truyền thông; 2014.
- [8] Hữu Đạt. *Văn hóa và ngôn ngữ giao tiếp của người Việt*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa thông tin; 2000.
- [9] Phạm Minh Thảo. *Nghệ thuật ứng xử của người Việt*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa thông tin; 2003.
- [10] Nguyễn Quang. *Giao tiếp phi ngôn từ qua các nền văn hóa*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2008.
- [11] Nguyễn Ngọc Thơ. Khái luận về văn hóa học đường. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Trà Vinh*. 2020; 37: 46–68.
- [12] Nguyễn Thị Kim Ngân (tổng hợp và giới thiệu). *Văn hóa giao tiếp trong nhà trường*. Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; 2011.
- [13] Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Công Khanh. *Giao tiếp ứng xử tuổi học đường*. Nhà Xuất bản Thanh niên; 2006.
- [14] Thủ tướng Chính phủ. *Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước, ban hành kèm theo Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ*; Hà Nội. 2007.
- [15] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Phòng, chống tham nhũng. Luật số 55/2005/QH11 ngày 29/11/2005*; Hà Nội. 2005.
- [16] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Cán bộ, công chức. Luật số: 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008*; Hà Nội. 2008.
- [17] Hoàng Chí Bảo. *Văn hóa và con người Việt Nam trong đổi mới và hội nhập quốc tế*. Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia; 2010.
- [18] Bộ Y tế. *Thông tư Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế (Thông tư số 07/2014/TT-BYT) ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế*. 2014.
- [19] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. *Quy tắc của công chức, viên chức, người lao động Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ban hành kèm theo Quyết định số 2148/QĐ-BVHTTDL) ngày 20/6/2019*; Hà Nội. 2019.
- [20] Bộ Nội vụ. *Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ Nội vụ, ban hành kèm theo quyết định số 758/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ngày 23/6/2021*. 2021.
- [21] Bộ Xây dựng. *Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ Xây dựng, ban hành kèm theo Quyết định Số: 1393/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, ngày ngày 24/12/2021*. 2021.
- [22] Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. *Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội*. 2017.
- [23] Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. *Quy chế văn hóa công sở và quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Văn phòng ủy ban nhân dân thành phố, ban hành kèm theo quyết định số Số: 135/QĐ-VP, ngày 28/5/2021*. 2021.
- [24] Trung tâm Tật học. *Dạy học hoà nhập cho trẻ khuyết tật*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia; 2000.
- [25] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Kĩ năng dạy hoà nhập trẻ khuyết tật, Dự án lớp linh hoạt*. Hà Nội; 2000.
- [26] Trần Thị Lệ Thu. *Đại cương về giáo dục trẻ chậm phát triển trí tuệ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 2003.
- [27] Cao Minh Châu, Vũ Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Minh Thủy. *Một số dạng tật thường gặp ở trẻ em và cách phát hiện và huấn luyện trẻ*. Nhà Xuất bản Y học; 2004.
- [28] Phạm Minh Mục. *Giáo trình Giáo dục hoà nhập cho trẻ khiếm thị*. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục; 2006.
- [29] Lê Văn Tạc (chủ biên). *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết*

tật bậc tiểu học. Nhà Xuất bản Lao động xã hội; 2006.

- [30] Huỳnh Thị Thu Hằng. *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học*. Nhà Xuất bản Đà Nẵng; 2008.
- [31] Đỗ Hạnh Nga, Cao Thị Xuân Mỹ. Thực trạng trẻ chậm phát triển trí tuệ ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. 2010;23: 114–122.
- [32] Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hòa (chủ biên). *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp (dành cho cán bộ y tế)*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Y học; 2020.
- [33] Nguyễn Đức Thắng. *Hoàn chỉnh chính sách hòa nhập xã hội của người khuyết tật ở Việt Nam*. Học viện Hành chính Quốc gia; 2020.
- [34] Võ Bá Đức. *Văn hóa ứng xử và nghệ thuật ứng xử nơi công sở (trong các cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp, bệnh viện, khi tham gia giao thông)*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Lao động; 2013.